ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHỤNG CÔNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08 /KH-UBND	*Phụng Công, ngày 13tháng 01 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số xã Phụng Công năm 2026

Căn cứ các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên: Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Thực hiện Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về kế hoạch thực hiện chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2026.

Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số xã Phụng Công năm 2026, với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Bám sát các chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và điều kiện thực tế để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể, sáng tạo, đột phá, thiết thực và khả thi, đảm bảo triển khai đồng bộ, đạt kết quả cao nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền hành chính nhà nước;

- Nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao các chỉ số cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thể chế, chính sách số

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng Chính quyền số, Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên.

b) Phát triển hạ tầng số

- Xây dựng và phát triển hạ tầng số với công nghệ mới nhất cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...).

- Duy trì Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà

nước đảm bảo thông suốt, hoạt động ổn định đến 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Đầu tư, nâng cấp, duy trì hoạt động của hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của các ngành, lĩnh vực.

c) Phát triển Chính quyền số

- 100% văn bản điện tử được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước) khi gửi, nhận trên môi trường mạng.

- 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước

- 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% công tác báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh.

- Phối hợp thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

- 70% cuộc giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh).

- Thực hiện xác thực điện tử bằng chữ ký số để đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu trong các giao dịch của hoạt động công vụ trên môi trường số, qua đó nâng cao độ tin cậy của dữ liệu và tăng tính công khai, minh bạch

d) Cung cấp thông tin, dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 90% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết bằng hình thức trực tuyến toàn trình đạt từ 80% trở lên (đối với các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến toàn trình); trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ

công đạt 100%

- 100% cổng thông tin điện tử của xã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

đ) Phát triển nền tảng số

- Phối hợp triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường, …

- Tiếp tục phối hợp phát triển, nâng cấp Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) để kết nối, chia sẻ dữ liệu các hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của quốc gia và của các bộ, ngành Trung ương

- Phối hợp triển khai phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh.

- Phối hợp triển khai xây dựng danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành. Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp…) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Phối hợp ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS…) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên. Thực hiện xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng của các ngành; thực hiện chia sẻ, kết nối với các cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành qua trục LGSP của tỉnh và NDXP quốc gia.

e) Phát triển kinh tế số, xã hội số

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử…).

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

- Phối hợp xây dựng, nâng cấp hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế trên sàn thương mại điện tử.

- Phối hợp triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt

tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%.

f) Đảm bảo an toàn thông tin, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, tập huấn và tuyên truyền

- Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng. Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng. Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

- 100% hệ thống thông tin trước khi đưa vào sử dụng phải xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng cơ bản về kỹ năng số, an toàn thông tin.

II. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức số

a) Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số đến người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (truyền thanh, báo điện tử, mạng xã hội, ...)

b) Tổng hợp những cách làm điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng những mô hình hiệu quả về thực hiện chuyển đổi số.

2. Xây dựng thể chế số

a) Phối hợp rà soát, hoàn thiện và ban hành các chính sách, văn bản của tỉnh theo quy định nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn.

b) Thường xuyên rà soát, kiện toàn tổ chức, bộ máy Ban Chỉ đạo phát triển khoa học kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp xã để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn.

3. Hạ tầng kỹ thuật

a) Bổ sung, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong nội bộ các cơ quan Nhà nước: trang thiết bị công nghệ thông tin; hạ tầng mạng LAN; mạng Internet tốc độ cao;... đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng cho triển khai ứng dụng các nền tảng số.

b) Cập nhật và duy trì Trung tâm giám sát, điều hành thông minh xã (IOC).

c) Duy trì hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đảm bảo hoạt động ổn định, thông suốt.

d) Phối hợp duy trì Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh, kết nối các cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh để khai thác các hệ thống thông tin dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành...

4. Dữ liệu số

a) Phối hợp tiếp tục phát triển, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống thông tin,

cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Phối hợp cập nhật dữ liệu cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ triển khai các dịch vụ liên quan đến người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

b) Tiếp tục thực hiện lộ trình chuyển đổi số; số hóa tài liệu, phối hợp xây dựng dữ liệu dùng chung của ngành, lĩnh vực, tạo lập kho dữ liệu dùng chung và tổ chức dữ liệu mở phục vụ xã hội.

5. Nền tảng số

a) Phối hợp thực hiện kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) phục vụ chuyển đổi số, nhất là trong giải quyết thủ tục hành chính giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước.

b) Phối hợp xây dựng, phát triển, thuê dịch vụ các hệ thống nền tảng số phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

c) Triển khai ứng dụng các nền tảng số dùng chung xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng giải quyết công việc của cán bộ, công chức.

6. Nhân lực số

a) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức; người dân trên địa bàn xã về kiến thức và kỹ năng số cơ bản, chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn các kỹ năng ứng dụng, sử dụng các nền tảng số và an toàn thông tin.

b) Tổ chức các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số với các chuyên đề thiết thực, hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

c) Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen sử dụng các hình thức truyền thống sang hình thức sử dụng các nền tảng số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin trong các giao dịch điện tử của người dân, doanh nghiệp.

d) Ứng dụng các nền tảng số đào tạo trực tuyến do các Bộ, các doanh nghiệp số phát triển để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ về chuyên môn, về công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

7. An toàn thông tin mạng

a) Thực hiện xây dựng, triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

b) Đầu tư trang thiết bị bảo mật và thuê dịch vụ an toàn thông tin chuyên nghiệp nhằm bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc. Triển khai các phương án giám sát an toàn thông tin các hệ thống thông tin quan trọng, diễn tập về an toàn thông tin mạng, sao lưu dữ liệu, sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống thông tin sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

c) Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận

thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp.

8. Phát triển Chính quyền số

a) Sử dụng hiệu quả, thống nhất, đồng bộ các hệ thống thông tin dùng chung: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử công vụ, Cổng thông tin điện tử, Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh,… bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng

b) Triển khai quyết liệt các giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến. Tiếp tục triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Thực hiện cập nhật dữ liệu thường xuyên Kho dữ liệu cho cá nhân, tổ chức trên hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh giúp người dân, tổ chức thực hiện các dịch vụ công trực tuyến nhanh hơn, thông tin, dữ liệu dễ dàng được tham chiếu, kiểm chứng, người dân không phải cung cấp lại thông tin nhiều lần cho cơ quan nhà nước.

d) Tiếp tục duy trì việc đánh giá chỉ số chuyển đổi số.

9. Phát triển Kinh tế số

a) Đẩy mạnh phát triển cửa hàng số và tài khoản thanh toán điện tử cho hộ kinh doanh; chuyển dịch từ thương mại truyền thống sang phương thức ứng dụng các nền tảng số trong tiêu thụ sản phẩm nông sản, giao dịch mua bán,...

b) Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử…).

c) Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

d) Xây dựng, phát triển bền vững thị trường thương mại số, đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; xây dựng hạ tầng số, dịch vụ và ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, phát triển thương mại điện tử, kết nối với doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

đ) Hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện truy xuất nguồn gốc một bước trước một bước sau. Khuyến khích các sàn thương mại điện tử cần minh bạch hàng hóa đảm bảo sản phẩm an toàn để phát triển nền kinh tế số bền vững

10. Phát triển Xã hội số

a) Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về các lợi ích đem lại khi ứng dụng các nền tảng số trong mọi mặt kinh tế - xã hội. Đưa vào đào tạo ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục phổ thông, phổ cập kỹ năng số cho người dân trên các ứng dụng trực tuyến, chú

trọng ưu tiên các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các lĩnh vực xã hội: giáo dục, y tế, giao thông, môi trường.

b) Hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng trực tuyến như Nền tảng học trực tuyến mở đại trà để tiếp cận, học tập, phát triển, ứng dụng các kỹ năng số trong mọi mặt đời sống xã hội.

c) Đẩy mạnh hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng (Tổ đề án 06), trong đó Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, tiêu biểu như: (1) Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; (2) Mua sắm trực tuyến gắn với bảo vệ dữ liệu cá nhân; (3) Thanh toán trực tuyến an toàn; (4) Tự bảo vệ mình trên không gian mạng; (5) Sử dụng nền tảng số đặc thù của địa phương trong các lĩnh vực: Nông nghiệp, Du lịch, Logistics, Y tế, Giáo dục,…

d) Phát triển, ứng dụng các nền tảng số hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; ứng dụng hồ sơ bệnh án điện tử; ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển hình thành kho dữ liệu ngành y tế; triển khai Hệ thống điều phối dữ liệu y tế với các bệnh viện trên địa bàn tỉnh để khai thác, sử dụng dữ liệu y tế.

III. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân với nhiều hình thức tuyên truyền như: xây dựng chuyên trang, chuyên mục, mạng xã hội, phóng sự truyền hình, tọa đàm, hội thảo và các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

b) Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy trong trường học; xây dựng, ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a) Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, như: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên nhiều nền tảng số khác nhau.

b) Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính quyền số; rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

a) Triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, từng bước xây dựng đô thị thông minh.

b) Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm về cơ chế, chính sách phát triển chính quyền số. Chủ động hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông và CNTT để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

a) Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ CNTT.

b) Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ.

c) Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

5. Giải pháp tổ chức, triển khai

a) Tăng cường hoạt động Ban Chỉ đạo phát triển khoa học kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chung về chuyển đổi số.

b) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị phát huy tối đa vai trò quản lý nhà nước, tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

c) Tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin về đảm bảo an toàn thông tin mạng, phòng chống tấn công mạng, ứng cứu sự cố an ninh mạng tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn.

d) Tăng cường xây dựng các giải pháp cụ thể để đưa chuyển đổi số đến tay người sản xuất để người sản xuất có thể tự thao tác; đơn giản hoá thao tác để người sản xuất có thể sử dụng được những dịch vụ, nền tảng số

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách Trung ương (nếu có), ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn thu sự nghiệp, nguồn huy động, đóng góp, tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

V. DANH MỤC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Chi tiết các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án thực hiện năm 2026 tại các Phụ lục kèm theo.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

a) Có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng báo cáo Uỷ ban nhân dân xã kết quả thực hiện về chuyển đổi số trên địa bàn xã.

b) Nghiên cứu, đề xuất, đặt hàng, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, các hệ thống thông tin của các ngành, lĩnh vực trong nội bộ tỉnh qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP), với các Bộ, ngành Trung ương qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

d) Triển khai, phối hợp triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số.

đ) Chủ trì, phối hợp với các phòng, cơ quan, đơn vị liên quan nâng cao hiệu quả hoạt động các Cổng Thông tin điện tử nhằm đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

e) Chủ trì, phối hợp xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức về công nghệ thông tin cho các lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, hướng dẫn quy trình tạo lập, chuẩn hóa hồ sơ điện tử của cấp xã.

f) Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng CNTT của đơn vị; triển khai đầu tư các hạng mục phù hợp, khoa học, đồng bộ, đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước và Kiến trúc số tỉnh Hưng Yên.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã

a) Triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo xã.

b) Triển khai thực hiện sử dụng chữ ký số để ký số đối với văn bản điện tử.

c) Duy trì hệ thống họp giao ban trực tuyến do tỉnh triển khai.

3. Trung tâm phục vụ hành chính công

a) Tham mưu Uỷ ban nhân dân xã triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành trong việc chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên địa bàn cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đảm bảo đồng bộ danh mục thủ tục hành chính với cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Phối hợp các sở, ban, ngành thực hiện rà soát các thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và ban hành danh mục thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến toàn trình (tiếp nhận hồ sơ và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng, việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công

ích) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Có các giải pháp hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến thiết thực, hiệu quả.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan nâng cao hiệu quả hoạt động Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

c) Triển khai thực hiện sử dụng chữ ký số để ký số đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

e) Tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

4. Phòng Kinh tế

a) Chủ trì, phối hợp với phòng Văn hóa - Xã hội bố trí vốn cho các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của xã.

b) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật NSNN và các quy định pháp luật hiện hành.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, chuyển đổi số, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, hỗ trợ bà con nông dân đưa các sản phẩm nông nghiệp quảng bá, giới thiệu, bán trên các sàn thương mại điện tử.

5. Công an xã

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc Đề án 06, đảm bảo an toàn thông tin mạng, an toàn an ninh mạng các hệ thống thông tin.

6. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

Chủ trì, phối hợp các phòng, cơ quan, đơn vị xây dựng nội dung các tin, bài viết, video,... về chuyển đổi số để tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên hệ thống truyền thanh cơ sở và các nền tảng mạng xã hội.

Yêu cầu các phòng, ban và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện, báo cáo Uỷ ban nhân dân xã kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc phát sinh (qua Phòng Văn hóa - Xã hội trước ngày 15/11/2026 để tổng hợp, báo cáo)./.

Nơi nhận:
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT Đảng uỷ; TT.HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các Ban Đảng, MTTQ xã;
- Các phòng ban, đơn vị;
- Lưu: VT,VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ PHỤNG CÔNG T.HƯNG YÊN

Đỗ Thị Kim Ngân

Phụ lục 01

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Phụng Công)

TT	Chỉ tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì, theo dõi, đôn đốc	Đơn vị phối hợp
1	Tiếp tục hoàn thiện chính sách phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên.	Các phòng, đơn vị	Phòng Văn hóa - Xã hội
2	Phối hợp duy trì Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh kết nối các cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh	Văn phòng HĐND và UBND xã	Các phòng, đơn vị
3	Đầu tư, nâng cấp, duy trì hoạt động hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực	Các phòng, đơn vị	Phòng Văn hóa - Xã hội
4	100% văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường mạng được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	Văn phòng HĐND và UBND xã	Các phòng, đơn vị
5	70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Văn phòng HĐND và UBND xã	Các phòng, đơn vị
6	100% công tác báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ, trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	Văn phòng HĐND và UBND xã	Các phòng, đơn vị
7	Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số	Trung tâm phục vụ HCC	Các phòng, đơn vị
8	70% cuộc giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh).	Các phòng, đơn vị	Văn phòng HĐND và UBND xã
9	Thực hiện chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình đối với 100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết để cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đảm bảo đồng bộ danh mục thủ tục hành chính với cổng Dịch vụ công quốc gia	Trung tâm phục vụ HCC	Các phòng, đơn vị

10	90% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	Trung tâm phục vụ HCC	Các phòng, đơn vị
11	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết bằng hình thức trực tuyến toàn trình đạt từ 80% trở lên (đối với các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến toàn trình); trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.	Trung tâm phục vụ HCC	Các phòng, đơn vị
12	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%	Trung tâm phục vụ HCC	Các phòng, đơn vị; Công an xã
13	- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% - Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%	Trung tâm phục vụ HCC	Các phòng, đơn vị
14	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 100%	Trung tâm phục vụ HCC	Các phòng, đơn vị
15	100% cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, đơn vị
16	- Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 80% - Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Hưng Yên; Các ngân hàng thương mại đóng trên địa bàn xã	Phòng Văn hóa - Xã hội
17	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%	Trạm y tế	Các phòng, đơn vị
18	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 60%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, đơn vị
19	100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trước khi đưa vào sử dụng phải xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, đơn vị
20	100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng cơ bản về kỹ năng số, an toàn thông tin.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, đơn vị

Phụ lục 02

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ GIAO CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Phụng Công)

TT	Nhiệm vụ giao tại phần II	Đơn vị chủ trì, theo dõi, đôn đốc	Đơn vị phối hợp
1	Mục 1, điểm b	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ngành, đơn vị
2	Mục 1, điểm a	Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm dịch vụ tổng hợp	Các phòng, ngành, đơn vị
3	Mục 2, điểm a	Các phòng, ngành, đơn vị	Phòng Văn hóa xã hội
4	Mục 2, điểm b	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ngành, đơn vị
5	Mục 2, điểm c	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ngành, đơn vị
6	Mục 3, điểm a	Các phòng, ngành, đơn vị	Phòng Văn hóa xã hội
7	Mục 3, điểm b, c	Văn phòng HĐND và UBND	Các phòng, ngành, đơn vị
8	Mục 3, điểm d	Văn phòng HĐND và UBND	Các phòng, ngành, đơn vị
9	Mục 4, điểm a, b	Các phòng, ngành, đơn vị	Phòng Văn hóa xã hội, Văn phòng HĐND và UBND
10	Mục 5, điểm a, b, c	Các phòng, ngành, đơn vị	Phòng Văn hóa xã hội
11	Mục 6, điểm a, b, d	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ngành, đơn vị
12	Mục 6, điểm c	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trung tâm dịch vụ tổng hợp
13	Mục 7, điểm a, b, c	Phòng Văn hóa - Xã hội	Văn phòng HĐND và UBND, Công an xã
14	Mục 8, điểm a	Các phòng, ngành, đơn vị	Phòng Văn hóa xã hội, Văn phòng HĐND và UBND
15	Mục 8, điểm b, c	Các phòng, ngành, đơn vị	Trung tâm phục vụ HCC
16	Mục 8, điểm d	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ngành, đơn vị
17	Mục 9, điểm a, b, c, d	Các phòng, ngành, đơn vị	Phòng Kinh tế, Văn hóa xã hội, Văn phòng HĐND và UBND
18	Mục 10, điểm a, b	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ngành, đơn vị

19	Mục 10, điểm c	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ngành, đơn vị
20	Mục 10, điểm d	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trạm y tế

Phụ lục 03

TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Phụng Công)

TT	Nhiệm vụ triển khai năm 2026
1	Bổ sung, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin cho hạ tầng kỹ thuật (máy tính, máy in, thiết bị mạng,...)
2	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, tuyên truyền cho CBCCVC và người dân về chuyển đổi số
3	Xây dựng, phát triển đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông được phê duyệt bố trí kinh phí thực hiện năm 2026
4	Ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc